



xìng Xíng

姓邢

noun · surname Xing

Example Sentence

Wǒ de Zhōng wén lǎo shī xìng Xíng

我的中文老师姓邢。

My Chinese teacher's surname is Xing.

Trace each character, then write the word on your own.

姓	姓	姓	姓	姓	姓	姓	姓	姓	姓	姓
邢	邢	邢	邢	邢	邢	邢	邢	邢		